

Bản án số: 124/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 16/9/2022.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hà Thị Kim Thu

2. Ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Từng - Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Bà Trần Phương Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 332/2022/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2022/QĐXXST -HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022.

Nguyên đơn: Chị Lê Thị V, sinh năm 2001 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, thị trấn O, huyện T, tỉnh An Giang

Bị đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã M, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Lê Thị V trình bày như sau:*

Năm 2018 chị Lê Thị V và anh Trần Văn L tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, đến năm 2019 được sự thống nhất của hai bên gia đình anh chị tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 165, ngày 22/10/2019.

Sau khi kết hôn chị Lê Thị V về làm dâu bên gia đình anh Trần Văn L, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc và sinh được 01 người con chung là Trần Ngọc A, sinh ngày 15/02/2021. Sau khi sinh con được một thời gian hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung, việc sống chung bên gia đình chồng chịu nhiều áp lực, đầu năm 2022 mâu thuẫn trở nên trầm trọng không thể sống chung nên chị Lê Thị V và anh Trần Văn L bắt đầu sống ly thân, chị V về bên gia đình cha mẹ đẻ tại ấp T, thị trấn O, huyện T, tỉnh An Giang sinh sống cho đến nay, trong thời gian ly thân 02 vợ chồng cuộc sống của ai người đó tự lo không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay cảm thấy cuộc sống tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Lê Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Trần Văn L.

Về con chung: Có 01 người con chung là Trần Ngọc A, sinh ngày 15/02/2021, hiện đang do anh Trần Văn L nuôi dưỡng, theo đơn khởi kiện chị Lê Thị V yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc A và yêu cầu anh Trần Văn L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa chị Lê Thị V trình bày kể từ khi ly thân đến nay cháu Trần Ngọc A do anh Trần Văn L nuôi dưỡng, hiện tại môi trường sống của cháu đã quen, để giữ ổn định tâm lý cho con, chị Lê Thị V đồng ý giao cháu Trần Ngọc A cho anh Trần Văn L tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, Chị Lê Thị V cấp dưỡng cho con theo khả năng thu nhập của mình.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị V xác định chị và anh Trần Văn L không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 31/8/2022 của Tòa án, anh Trần Văn L trình bày như sau:*

Anh Trần Văn L đã nhận đầy đủ thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng vì lý do công việc nên không đến Tòa án làm việc được, về mâu thuẫn gia đình anh và chị V khi sống chung không có mâu thuẫn gì, tuy nhiên vào dịp tết âm lịch năm 2022 sau khi anh Trần Văn L đưa vợ con về nhà cha mẹ chị V, sau đó chị V không chịu trở về nên anh đưa con về nhà cho đến nay, từ đó anh L và chị V sống ly thân cho đến nay. Nay chị Lê Thị V yêu cầu ly hôn thì anh Trần Văn L cũng đồng ý ly hôn với chị Lê Thị V, đồng thời anh Trần Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt nộp cho Tòa án.

Về con chung: Có 01 người con chung là cháu Trần Ngọc A, sinh ngày 15/02/2021, kể từ khi ly thân đầu năm 2022 cho đến nay do anh Trần Văn L nuôi

dưỡng. Ly hôn anh Trần Văn L yêu cầu được nuôi con cho đến tuổi trưởng thành , không yêu cầu chị Lê Thị V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: anh và chị Lê Thị V không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung vụ án như sau:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đúng và đầy đủ các quy định về thủ tục tố tụng được quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vắng mặt không tham gia tố tụng là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ và diễn biến công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng như sau :

Về hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị V và anh Trần Văn L.

Về con chung: Có 01 người con chung là cháu Trần Ngọc A , sinh ngày 15/02/2021, hiện đang do anh Trần Văn L nuôi dưỡng. Ly hôn anh Trần Văn L yêu cầu được nuôi con cho đến tuổi trưởng thành, chị Lê Thị V đồng ý giao con chung cho anh Trần Văn L tiếp tục nuôi dưỡng là tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận

Về cấp dưỡng nuôi con : Anh Trần Văn L không yêu cầu chị Lê Thị V cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên đề nghị hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Lê Thị V và anh Trần Văn L đều xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không xét.

Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị V phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn chị Lê Thị V yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Trần Văn L, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Đây là tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Trần Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án*:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị V và anh Trần Văn L tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 165 vào ngày 22/10/2019, nên hôn nhân giữa chị Lê Thị V và anh Trần Văn L là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Đầu năm 2022 do phát sinh nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung nên chị Lê Thị V và anh Trần Văn L đã sống ly thân kể từ đó cho đến nay. Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để chị Lê Thị V và anh Trần Văn L đoàn tụ nhằm xây dựng hạnh phúc gia đình, tuy nhiên chị Lê Thị V giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, anh Trần Văn L không đến Tòa án tham gia hòa giải và có ý kiến trình bày thống nhất ly hôn với Lê Thị V. Hội đồng xét xử xét thấy, thời gian ly thân giữa chị Lê Thị V và anh Trần Văn L kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên thật sự tự nguyện ly hôn. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị V với anh Trần Văn L, do anh Trần Văn L thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị V và anh Trần Văn L.

[3.2] *Về quan hệ con chung*: Chị Lê Thị V và anh Trần Văn L có 01 người con chung là cháu Trần Ngọc A, sinh ngày 15/02/2021, hiện đang do anh Trần Văn L nuôi dưỡng. Ly hôn anh Trần Văn L yêu cầu được nuôi con cho đến tuổi trưởng thành, chị Lê Thị V đồng ý giao con chung cho anh Trần Văn L tiếp tục nuôi dưỡng là tự nguyện, do đó Hội đồng xét xử giao cháu Trần Ngọc A cho anh Trần Văn L tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh Trần Văn L xác định đủ điều kiện để nuôi con nên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của anh Trần Văn L nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Lê Thị V và anh Trần Văn L xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] *Về án phí hôn nhân và gia đình* : Chị Lê Thị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147; 227; 228; 266; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 51, 55, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị V.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị V và anh Trần Văn L.

2. *Về quan hệ con chung*: Giao cháu Trần Ngọc A, sinh ngày 15/02/2021 cho anh Trần Văn L tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị Lê Thị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần Văn L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xét.

3. *Về tài sản chung và nợ chung* : Chị Lê Thị V và anh Trần Văn L xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

4. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Lê Thị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008077 ngày 29/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy chị Lê Thị V đã nộp đủ án phí.

5. *Quyền kháng cáo*: Báo cho chị Lê Thị V biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án, anh Trần Văn L vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- UBND Mỹ Hiệp Sơn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn Phúc